

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỦY SẢN
XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007	4- 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền là công ty cổ phần được thành lập theo

- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 điều chỉnh lần 2 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Danh sách các thành viên Hội Đồng Quản Trị trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Châu Sang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Vững	Thành viên
Ông Võ Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Kim	Thành viên

3. Thành viên của Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Châu Sang	Giám Đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2007 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

5. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2007 cho Công ty.

7. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

Kiên Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2008

Giám đốc

HUỲNH CHÂU SANG

Số: 08.110/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị

Các thành viên Ban Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2008

GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.533.341.783	17.022.597.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	295.471.602	815.061.196
1. Tiền	111		295.471.602	815.061.196
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	13.403.507.816	6.978.650.010
1. Phải thu khách hàng	131		12.579.060.641	5.928.470.802
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		842.740.210	1.068.472.243
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.293.035)	(18.293.035)
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	14.487.551.651	8.074.876.900
1. Hàng tồn kho	141		14.487.551.651	8.074.876.900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	(5.4)	1.346.810.714	1.154.009.241
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		102.509.880	111.476.790
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		960.727.437	841.181.083
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		283.573.397	201.351.368

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.494.501.656	4.023.846.479
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	(5.5)	7.246.256.677	3.681.682.325
1. Tài sản cố định hữu hình	221		7.246.256.677	3.681.682.325
- Nguyên giá	222		9.329.400.459	5.098.714.698
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.083.143.782)	(1.417.032.373)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		248.244.979	342.164.154
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.6)	248.244.979	342.164.154
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		37.027.843.439	21.046.443.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.229.039.369	6.621.271.684
I. Nợ ngắn hạn	310		20.222.874.932	6.621.271.684
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.7)	15.183.807.600	4.046.913.700
2. Phải trả người bán	312	(5.8)	3.469.799.377	1.307.488.279
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	135.005.170	3.402.198
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	720.141.652	749.405.187
6. Chi phí phải trả	316	(5.8)	535.366.897	286.509.930
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.10)	178.754.236	227.552.390
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		2.006.164.437	
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.11)	2.000.000.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.164.437	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.798.804.070	14.425.172.142
I. Vốn chủ sở hữu	410		14.500.232.484	13.935.546.229
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.12)	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	(5.12)	2.330.722.338	822.212.054
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	(5.12)	181.658.680	180.708.756
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.12)	1.987.851.466	2.932.625.419
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		298.571.586	489.625.913
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	(5.12)	298.571.586	489.625.913
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		37.027.843.439	21.046.443.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			18.293.035
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.032,62	7.278,75
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		2.083.143.782	1.417.032.373

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ THẾ TRỌNG

HUYỀN CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		150.214.316.454	110.710.797.043
2. Các khoản giảm trừ	02		261.678.593	119.628.103
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	(6.1)	149.952.637.861	110.591.168.940
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	136.539.443.635	99.535.547.303
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.413.194.226	11.055.621.637
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	217.380.956	69.842.072
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1.161.309.926	366.569.034
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>916.820.390</i>	<i>355.780.046</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	6.894.159.916	5.293.618.614
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	2.316.366.836	1.975.445.646
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		3.258.738.504	3.489.830.415
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	750.399.565	88.689.370
12. Chi phí khác	32	(6.8)	263.368.505	63.868.039
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		487.031.060	24.821.331
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.745.769.564	3.514.651.746
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		524.407.796	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.221.361.768	3.514.651.746
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.221	3.515

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VÕ THẾ TRỌNG

HUYỀN CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.745.769.564	3.514.651.746
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.006.961.484	847.565.749
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(16.750.080)	(50.885.839)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(147.226.275)	
Chi phí lãi vay	06		916.820.390	355.780.046
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những				
thay đổi vốn lưu động	08		5.505.575.083	4.667.111.702
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.551.680.918)	(2.767.480.324)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.472.402.023)	(1.021.486.007)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.077.497.130	(1.866.599.316)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		102.886.085	(72.068.210)
Tiền lãi vay đã trả	13		(916.820.390)	(355.780.046)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		461.332.036	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		387.885.453	10.455.268
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(886.855.922)	(640.250.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất,				
kinh doanh	20		(7.292.583.466)	(2.046.097.258)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản				
đài hạn khác	21		(4.762.112.069)	(1.454.908.584)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài				
sản đài hạn khác	22		392.272.727	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn				
vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của				
đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.257.053	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.364.582.289)	(1.454.908.584)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		131.535.457.700	78.722.693.400
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118.462.488.200)	(74.675.779.700)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.941.122.548)	(962.546.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.131.846.952	3.084.367.055
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(525.318.803)	(416.638.787)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		815.061.196	1.231.699.983
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.729.209	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		295.471.602	815.061.196

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

GIÁM ĐỐC

VÕ THÊ TRỌNG

HUỲNH CHÂU SANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) là một công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000043 điều chỉnh lần 2 ngày 24 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 là 17.743.590.000 đồng.

Theo Giấy phép đầu tư đăng ký lần đầu số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 số vốn điều lệ của công ty là 17.743.590.000 đồng.

Theo Giấy phép đầu tư đăng ký lần 2 số 56-03-000043 ngày 24 tháng 05 năm 2006 số vốn điều lệ của công ty là 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 326-328 Ngô Quyền, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải	06 năm
+ Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.6. Thuế

Theo thông báo số 112/TB-CT ngày 02 tháng 08 năm 2005 của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong ba năm tiếp theo.

4.7. Lương

Căn cứ theo biên bản thẩm định đơn giá tiền lương của liên ngành Sở tài chính vật giá Kiên Giang, Sở lao động thương binh xã hội và Sở nội vụ tỉnh Kiên Giang.

4.8. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Công ty chưa trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định.

4.9. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	83.716.239	481.076.682
Tiền gửi ngân hàng	211.755.363	333.984.514
Tổng cộng	295.471.602	815.061.196

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	12.579.060.641 (5.2.1)	5.928.470.802
Các khoản phải thu khác	842.740.210 (5.2.2)	1.068.472.243
Dự phòng phải thu khó đòi	(18.293.035) (5.2.3)	(18.293.035)
Giá trị thuần của phải thu	13.403.507.816	6.978.650.010

(5.2.1) Chi tiết như sau:

	<i>Đồng</i>	<i>USD</i>
Kaiyu Co., Ltd	3.016.663.911	187.207,64
Mitsubishi Corporation	2.195.848.979	136.269,64
Marseille Store	1.498.982.290	93.023,60
Euromex Seafood	1.446.424.868	89.762,00
Ebi Senbei No Sato Co., Ltd	1.089.241.944	67.596,00
Công ty TNHH Hoa Sen Mê Kông	990.068.976	61.441,54
Hoko Co., Ltd	658.127.988	40.842,00
Ma Kudesca – Scs Bologna Et Cie	516.253.886	32.037,60
Go Sho Ku Co., Ltd	327.859.634	20.346,26
Mayking Enterprise Co., Ltd	263.444.563	16.348,80
Luen Tai Hong	208.837.440	12.960,00
Toyota Tsusho Foods Corporation	205.147.334	12.731,00
Công ty TNHH Thương Mại Hải Việt	16.242.912	1.008,00

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Meiwa	14.502.600	900,00
Bán lẻ	117.913.201	
Khác	13.500.115	
Cộng	12.579.060.641	772.474,08

(5.2.2) Chi tiết như sau:

Tạm ứng lãi cổ tức	720.000.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng	40.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Gia	30.000.000
Công ty TNHH Môi Trường Xanh	13.850.000
Khác	38.890.210
Cộng	842.740.210

(5.2.3) Chi tiết như sau:

Trần Văn Tây	12.681.750
Trần Thanh Long	1.586.600
Nguyễn Thị Việt Hoa	1.524.685
Nguyễn Công Thành	1.500.000
Dương Văn Lền	1.000.000
Cộng	18.293.035

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	753.613.476	478.886.265
Công cụ, dụng cụ	564.936.151	321.870.495
Thành phẩm	13.169.002.024	7.274.120.140
Tổng cộng	14.487.551.651	8.074.876.900

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	102.509.880	111.476.790
Thuế GTGT còn được khấu trừ	960.727.437	841.181.083
Tạm ứng	283.573.397	201.351.368
Tổng cộng	1.346.810.714	1.154.009.241

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.673.796.865	3.134.116.787	192.714.421	98.086.625	5.098.714.698
Tăng trong năm	153.271.998	4.646.647.343	-	21.920.000	4.821.839.341
Giảm trong năm	-	591.153.580	-	-	591.153.580
Số dư cuối năm	<u>1.827.068.863</u>	<u>7.189.610.550</u>	<u>192.714.421</u>	<u>120.006.625</u>	<u>9.329.400.459</u>
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	494.909.981	812.235.159	68.666.746	41.220.487	1.417.032.373
Tăng trong năm	296.002.178	642.551.082	39.238.140	29.170.084	1.006.961.484
Giảm trong năm	-	340.850.075	-	-	340.850.075
Số dư cuối năm	<u>790.912.159</u>	<u>1.113.936.166</u>	<u>107.904.886</u>	<u>70.390.571</u>	<u>2.083.143.782</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	<u>1.178.886.884</u>	<u>2.321.881.628</u>	<u>124.047.675</u>	<u>56.866.138</u>	<u>3.681.682.325</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.036.156.704</u>	<u>6.075.674.384</u>	<u>84.809.535</u>	<u>49.616.054</u>	<u>7.246.256.677</u> (*)

(*) Toàn bộ tài sản đã được đem đi thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng Phát triển Kiên Giang.

5.6. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	342.164.154	203.169.987
Tăng trong năm	160.445.819	344.941.023
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm	<u>254.364.994</u>	<u>205.946.856</u>
Số dư cuối năm	<u>248.244.979</u>	<u>342.164.154</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	15.183.807.200 (*)	4.046.913.700
(*) Bao gồm:		
		<i>Đồng</i>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại Thương - CN Kiên Giang		12.034.200.000 (5.7.1)
Vay ngắn hạn Ngân hàng Phát triển Kiên Giang		1.000.000.000 (5.7.2)
Vay chiết khấu Ngân hàng Ngoại Thương - CN Kiên Giang		2.149.607.600 (5.7.3)
Cộng		<u>15.183.807.600</u>

(5.7.1) Chi tiết như sau:

1. Hợp đồng vay	Số 04/2007/VCB-XKNQ ngày 30/03/2007
Lãi suất	6,7%/năm
Thời hạn vay	12 tháng
Hạn mức cho vay	300.000,00 USD
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	300.000,00 USD (tương đương 4.834.200.000 đồng)
2. Hợp đồng vay	Số 08/2007/NHNT-XKNQ ngày 28/06/2007
Lãi suất	0,88%/tháng
Thời hạn vay	12 tháng
Tài sản đảm bảo	Tài sản nhận bàn giao từ Công ty XNK Thủy Sản Kiên Giang
Hạn mức cho vay	3.600.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	3.500.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Hợp đồng vay	Số 11/2007/NHNT-XKNQ ngày 15/10/2007
Lãi suất	0,88%/tháng
Thời hạn vay	03 tháng
Hạn mức cho vay	2.000.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	800.000.000 đồng
4. Hợp đồng vay	Số 12/2007/NHNT-XKNQ ngày 13/12/2007
Lãi suất	0,88%/năm
Thời hạn vay	03 tháng
Tài sản đảm bảo	Hàng hóa, thành phẩm tồn kho, hàng hóa đã xuất chờ thanh toán của công ty đến thời điểm gần nhất. Tài sản cố định của công ty tính đến ngày 31/09/2007.
Hạn mức cho vay	1.000.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	1.000.000.000 đồng
5. Hợp đồng vay	Số 13/2007/NHNT-XKNQ ngày 18/12/2007
Lãi suất	0,88%/năm
Thời hạn vay	03 tháng
Hạn mức cho vay	900.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	900.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Hợp đồng vay	Số 14/2007/NHNT-XKNQ ngày 27/12/2007
Lãi suất	0,88%/tháng
Thời hạn vay	03 tháng
Tài sản đảm bảo	Hàng hóa, thành phẩm tồn kho, hàng hóa đã xuất chờ thanh toán của công ty đến thời điểm gần nhất. Tài sản cố định của công ty tính đến ngày 31/09/2007.
Hạn mức cho vay	1.000.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	1.000.000.000 đồng

(5.7.2) Chi tiết như sau:

1. Hợp đồng vay	Số 01/2007/HĐTD-XK ngày 23/11/2007
Lãi suất	8,7%/năm
Thời hạn vay	02 tháng
Hạn mức cho vay	700.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	700.000.000 đồng

2. Hợp đồng vay	Số 02/2007/HĐTD-XK ngày 23/11/2007
Lãi suất	8,7%/năm
Thời hạn vay	02 tháng
Hạn mức cho vay	300.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	300.000.000 đồng

(5.7.3) Tương đương 133.400,00 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Các khoản phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	3.469.799.377 (*)	1.307.488.279
Phải trả công nhân viên	720.141.652	749.405.187
Chi phí phải trả	535.366.897	286.509.930
Tổng cộng	4.725.307.926	2.343.403.396

(5.8.1) Chi tiết như sau:

	<i>Đồng</i>
Trần Thị Thủy	685.247.000
Sáu Quang	428.686.000
Doanh nghiệp tư nhân Thiên Hưng	424.088.175
Công ty TNHH Chí Hiếu	417.068.400
Trần Tuyết Mai	363.419.700
Công ty Cổ phần nước đá thủy sản Kiên Giang	108.570.000
Công ty TNHH Thương mại Hữu Tín	95.619.218
Trần Văn Hải	92.497.000
Doanh nghiệp tư nhân Lê Phước Dương	80.726.100
Khác	773.877.784
Cộng	3.469.799.377

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	71.929.410	3.402.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.075.760	-
Tổng cộng	135.005.170	3.402.198

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế	12.941.055	820.511
Bảo hiểm xã hội	10.396.587	47.585.864
Kinh phí công đoàn	56.666.594	79.381.011
Cổ tức phải trả	-	14.199.620
Tiền thừa sau khi trả chi phí cổ phần hóa	-	19.472.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	98.750.000	66.092.884
Tổng cộng	178.754.236	227.552.390

5.11. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	2.000.000.000 (*)	-

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang, chi tiết như sau:

Hợp đồng vay	Số 05/2007/DA/NHNT-NQ ngày 13/06/2007
Lãi suất	0,94%/tháng
Thời hạn vay	36 tháng
Tài sản đảm bảo	Máy móc thiết bị cấp đông và chi phí xây dựng
Hạn mức cho vay	2.200.000.000 đồng
Số dư nợ vay đến 31/12/2007	2.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Vốn chủ sở hữu

5.12.1. Nguồn vốn đầu tư và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số dư đầu năm	10.000.000.000	822.212.054	180.708.756	2.932.625.419	489.625.913	14.425.172.142
Lợi nhuận trong năm	-	524.407.795	80.908.632	3.221.361.768	539.390.875	4.366.069.070
Tăng khác	-	984.102.489 (*)	-	-	52.386.412	1.036.488.901
Giảm khác	-	-	79.958.708	4.166.135.321	782.831.614	5.028.925.643
Số dư cuối năm	10.000.000.000	2.330.722.338	181.658.680	1.987.851.866	298.571.586	14.798.804.470

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn năm 2006.

5.12.2. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận để lại đến 31/12/2006	2.932.625.419
Kết quả kinh doanh năm 2007	3.221.361.768
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(1.508.510.284)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	(80.908.632)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(539.390.875)
Chia cổ tức năm 2006	(1.926.922.930)
Các khoản khác	<u>(110.402.600)</u>
Lợi nhuận chưa phân phối ngày 31 tháng 12 năm 2007	<u>1.987.851.866</u>

5.12.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2007	Năm 2006
Doanh thu nội địa	16.329.109.700	1.181.875.305
Doanh thu xuất khẩu	133.406.372.132	109.528.921.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ	478.834.622	-
Hàng bán bị trả lại	(202.842.750)	-
Giảm giá hàng bán	(58.835.843)	(119.628.103)
Doanh thu thuần	149.952.637.861	110.591.168.940

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2007	Năm 2006
Giá vốn hàng bán	136.539.443.635	99.535.547.303

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.257.053	8.167.245
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	212.123.903	61.674.827
Tổng cộng	217.380.956	69.842.072

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2007	Năm 2006
Lãi tiền vay	916.820.390	355.780.046
Chi phí tài chính khác	244.489.136	10.788.988
Tổng cộng	1.161.309.526	366.569.034

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.726.177.541	3.195.844.430
Chi phí bằng tiền khác	5.167.982.375	2.097.774.184
Tổng cộng	6.894.159.916	5.293.618.614

6.6. Chi phí quản lý

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí nhân viên	1.048.309.780	884.995.477
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.606.847	73.504.014
Thuế, phí và lệ phí	437.880.123	434.225.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.567.904	137.490.351
Chi phí khác	643.002.182	445.240.430
Tổng cộng	2.316.366.836	1.975.455.646

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2007	Năm 2006
Thu nhập từ bồi thường	335.499.041	-
Thu nhập bán vật tư	-	69.011.752
Thu nhập từ thanh lý	365.454.545	10.500.000
Thu nhập khác	49.445.979	9.177.618
Tổng cộng	750.399.565	88.689.370

6.8. Chi phí khác

	Năm 2007	Năm 2006
Chi phí thanh lý	250.303.505	63.868.039
Chi phí thi hành án	13.065.000	-
Tổng cộng	263.368.505	63.868.039

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra đến ngày phát hành báo cáo.

Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng

Giám đốc

VÕ THẾ TRỌNG

HUỲNH CHÂU SANG